

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đồng

2. Ông Huỳnh Đức Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2023/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Minh L, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Đồng, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Đồng, xã T, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Võ Minh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị N quen biết tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2015 tại UBND xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm với nhau. Nguyên nhân chính là do vợ chồng mâu thuẫn trong vấn đề công việc, mối quan hệ bạn bè bên ngoài xã hội và gia đình bên vợ. Giữa hai vợ chồng cũng có ngòai lại trao đổi để khắc phục những mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng và cũng có chuyển biến nhưng được một thời gian thì mối quan hệ hôn nhân lại tiếp tục có những vấn đề mâu thuẫn, không có kết

quả. Anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Từ lúc sống ly thân đến nay, anh và chị N không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, không có thời gian đoàn tụ. Do xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: anh và chị N có 01 con chung là Võ Phạm Kim Ngân, sinh ngày 18/10/2017, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Cháu Ngân từ 1 đến 2 tuổi là sống bên ngoại, sau đó là sống bên nội đến nay. Khi vợ chồng mâu thuẫn mẹ cháu dọn đồ đi thì cháu ở với cha và nội. Sau đó anh mới trình bày hoàn cảnh với cơ quan nơi anh làm việc và xin làm hành chính để sáng đi chiều về tranh thủ thời gian chăm sóc đưa rước cháu Ngân đi học. Chị N thì làm tại Công ty bảo hiểm, thường xuyên tham gia tiệc tùng, giao tiếp với khách hàng, có khi đến khuya mới về, nhiều lần anh liên lạc chị N cũng không liên lạc được. Do đó về thời gian đưa rước, chăm sóc con của chị N thì không đảm bảo được như anh. Lương hàng tháng của anh cũng ổn định vì anh làm trong cơ quan nhà nước, hưởng lương theo hệ số, còn chị N thì hưởng lương theo doanh số, thu nhập không ổn định. Dựa trên thu nhập và môi trường làm việc của anh thì anh cho rằng anh có thể đảm bảo được các chế độ của cháu Ngân sau này.

- Về tài sản chung: anh và chị N có tài sản chung là phần đất thuộc thửa 738, tờ bản đồ 23, có diện tích 508,3m² tọa lạc tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Về phần tài sản chung anh và chị N sẽ tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như anh L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chủ yếu là do anh L đặt suy nghĩ quá quan trọng trong mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp trong công việc của chị còn chị cho rằng việc giao lưu bạn bè, đồng nghiệp là chuyện bình thường. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của anh L thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị và anh L có 01 con chung như anh L trình bày. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngân vì cháu Ngân còn nhỏ và có nguyện vọng sống với chị. Khi cha cháu Ngân rước cháu thì cháu khóc rất nhiều. Cháu Ngân từ nhỏ đến 03 tuổi là cháu sống bên ngoại, sau đó là do cả hai vợ chồng đều phải đi làm nên nhờ bên nội nuôi dưỡng, chăm sóc chứ không phải là chị bỏ không nuôi. Hiện tại thì cháu vẫn qua lại giữa cha và mẹ chứ không phải sống bên nội như anh L trình bày. Hiện chị làm việc tại Công ty bảo hiểm, thời gian cố định là từ 07 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút, thời gian còn lại thì chị có thể chủ động. Đối với những hình ảnh mà anh L cung cấp và cho rằng chị thường xuyên tham gia tiệc tùng và giao tiếp khách hàng thì chị cho rằng đây là chuyện bình thường vì đây là những sự kiện trong Công ty, đặt trưng công việc của chị. Những hình ảnh đó chị cũng công khai trên mạng xã hội ai cũng có thể

thấy và biết. Anh L cho rằng làm việc giờ hành chính nhưng sau khi đưa con về nội thì anh cũng đi chơi chứ không hoàn toàn chăm sóc con. Chị đi làm nhưng cũng tranh thủ, chủ động được nên đảm bảo thời gian chăm sóc, đưa rước con. Hiện thu nhập của chị cũng ổn định, ngoài lương cố định hàng tháng là 9.400.000 đồng thì còn có các khoản khác, tổng thu nhập cũng đảm bảo trong việc nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: chị và anh L có tài sản chung là phần đất thuộc thửa 738, tờ bản đồ 23, có diện tích 508,3m² tọa lạc tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, về phần tài sản chung chị và anh L sẽ tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành luật tố tụng của nguyên đơn: anh L đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành luật tố tụng của bị đơn: chị N thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Về nội dung:

Căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Minh L. Anh Võ Minh L được ly hôn với chị Phạm Thị N.

- Về con chung: giao cháu Võ Phạm Kim Ngân, sinh ngày 18/10/2017 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết
- Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Minh L và chị Phạm Thị N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lộc, huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, cả anh L và chị N đều thừa nhận trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu trong vấn đề công việc, mối quan hệ bạn bè bên ngoài xã hội của chị N và gia đình bên vợ. Phía chị N thì cho rằng việc chị có quan hệ bạn bè, đồng nghiệp trong công việc là chuyện bình thường nhưng do anh L quá quan trọng vấn đề nên xảy ra mâu thuẫn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh L và chị N đưa ra nhiều nội dung không thống nhất về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Tuy nhiên anh, chị đã không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại anh L và chị N đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của anh L và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị N cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L để giải quyết cho anh L được ly hôn với chị N.

[2] Về con chung:

[2.1] Anh L và chị N có 01 con chung là Võ Phạm Kim Ngân, sinh ngày 18/10/2017. Cả anh L và chị N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh L cho rằng hiện anh có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng cũng đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và đối với công việc của anh hiện nay cũng đảm bảo về chế độ mọi mặt của cháu Ngân sau này. Chị N cho rằng cháu Ngân có nguyện vọng sống với chị và chị cũng có thu nhập ổn định cũng đảm bảo trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi ly hôn cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; về việc giao con cho ai trực

tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, xem xét đến điều kiện hoàn cảnh, công việc của các bên. Anh L và chị N đều thừa nhận khi anh chị đi làm thì bên nội nuôi dưỡng cháu Ngân. Sau khi cháu chuyển trường lên Thành phố Bến Tre thì anh chị cùng nhau đưa rước cháu và cũng chan hoà nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Cuối tuần thì thay phiên nhau về nội và về ngoại.

Căn cứ và những tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp nhận thấy: Đối với tài liệu, chứng cứ anh L cung cấp: Theo xác nhận ngày 24/10/2023 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Công an tỉnh Bến Tre thu nhập của anh L là 12.600.000 đồng/tháng. Chị N cung cấp bản sao chụp bảng lương tháng 10/2023; tháng 11/2023, tháng 12/2023 và Xác nhận lương từ Công ty bảo hiểm để chứng minh thu nhập của chị N. Tuy nhiên, anh L hiện là công chức nhà nước thu nhập ổn định từ lương, phụ cấp...; chị N làm việc tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Cathay (VN), mặc dù có lương cố định là 9.400.000 đồng và các khoản khác nhưng lương này cũng phụ thuộc theo doanh số, doanh thu hàng tháng. Xét về chỗ ở, anh L cho rằng tại đơn vị cũng tạo điều kiện cho anh nhà công vụ để ở, chị N thì ở nhà trọ. Về thời gian chăm sóc con chung thì Theo xác nhận của Trường Tiểu học Phường 6, thành phố Bến Tre thì thời gian qua anh L trực tiếp đưa đón, chăm sóc và chăm lo việc học của cháu Ngân, xác nhận của cơ quan thì anh L làm việc trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. Chị N cho rằng chị làm việc từ 07 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút, thời gian còn lại thì chị có thể chủ động được nhưng từ khi giải quyết vụ án đến khi mở phiên toà xét xử thì chị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ những phân tích trên, xét thấy về điều kiện nuôi con chung của anh L đảm bảo hơn chị N nên cần giao cháu Ngân cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.2] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh L, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung:* anh L và chị N tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* anh L và chị N khai không có.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh L. Anh Võ Minh L được ly hôn với chị Phạm Thị N.

2. *Về con chung*: ghi nhận anh Võ Minh L và chị Phạm Thị N có 01 con chung là Võ Phạm Kim Ngân, sinh ngày 18/10/2017. Giao con chung là cháu Kim Ngân cho anh Võ Minh L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kim Ngân đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: anh Võ Minh L và chị Phạm Thị N tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: anh Võ Minh L và chị Phạm Thị N khai không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Anh Võ Minh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002512 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; anh L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hoà Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hồng Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Đức Tâm

Phạm Thành Đồng

Lê Thị Hồng Đang

